



THỨ BA TUẦN THÁNH

Người Công Giáo có một hy vọng rất lớn là Thánh Giá Chúa Kitô: Thánh Giá là hy vọng độc nhất, là nguồn ơn cứu rỗi, là mạch sống trường sinh. Sách Thánh hôm nay loan báo cuộc tế lễ hy sinh của Chiên. Chúa Giêsu như chiên bị đem đi giết, Người vô tội nhưng không hề buông lời than trách, Người hy sinh vì tội nhân loại.

CA NHẬP LỄ

Intr.
4.

N OS au- tem * glo-ri- á- ri opór- tet, in cru-
ce Dó-mi-ni nostri Je- su Chri- sti : in quo est sa-lus,
vi- ta, et re- surré-cti- o no- stra : per quem salvá-ti,
et li-be-rá- ti su- mus. Ps. De- us mi-se-re- á- tur no-
stri, et be-ne-dí- cat no-bis : * il- lúmi- net vultum su- um su-



per nos, et mi-se-re-á-tur nostri. Nos au- tem.

Nos autem gloriári opórtet in Cruce Dómini nostri Iesu Christi: in quo est salus, vita et resurréctio nostra: per quem salváti et liberáti sumus.

Ps. Deus misereátur nostri, et benedícat nobis: illúminet vultum suum super nos, et misereátur nostri.

Nos autem ...

Vinh dự của chúng ta là ở Thánh Giá Chúa Giê-su Kitô; nơi Người, chúng ta được cứu thoát, được sống và được sống lại. Nhờ Người chúng ta được cứu độ, và được giải thoát.

Cv. Xin Chúa thương chúc phúc cho chúng con. Xin giải ánh tôn nhan Chúa xuống chúng con và thương xót chúng con.

Vinh dự ...

KINH TỔNG NGUYỆN

Omnípotens sempitérne Deus: da nobis ita Domínicæ passiónis sacraménta perágere; ut indulgéntiam percípere mereámur. Per eúndem Dóminum nostrum Iesum Christum Fílium tuum, qui tecum vivit et regnat in unitáte Spíritus Sancti, Deus, per ómnia sæcula sæculórum.

Lạy Chúa toàn năng hằng hữu, xin giúp chúng tôi được lòng sốt sắng cử hành màu nhiệm cuộc khổ nạn của Chúa, cho chúng tôi được ơn tha thứ. Vì cũng một Đức Giê-su Kitô, Con Chúa cùng là Chúa chúng tôi, Đấng hằng sống hằng trị, làm một cùng Đức Chúa Thánh Thần đời đời chẳng cùng.

SÁCH THÁNH

In diébus illis: Dixit Ieremías: Dómine, demonstrásti mihi, et cognóvi: tunc ostendísti mihi stúdia eórum. Et ego quasi agnus mansúetus, qui portátur ad víctimam: et non cognóvi, quia cogitavérunt super me consília,

Jêrêmia 11, 18–20

Ngày ấy, Jêrêmia cầu nguyện: “Lạy Chúa, Chúa đã tỏ cho con biết và con đã được biết: Chúa cho con biết âm mưu của chúng. Con, con như một con chiên hiền bị đem đi giết, mà con không biết chúng đã có kế hoạch hại

dicentes: Mittamus lignum in panem eius, et eradamus eum de terra viventium, et nomen eius non memorétur ámplius. Tu autem, Dómine Sábaoth, qui iúdicas iuste et probas renes et corda, vídeam ultiónem tuam ex eis: tibi enim revelávi causam meam, Dómine, Deus meus.

con. Chúng nói: “Ta cho nó gỗ thay vì bánh, tiêu diệt nó khỏi thế giới sinh vật, để người ta không còn nhớ đến tên nó.” Nhưng, lạy Chúa các đạo binh, Chúa xét xử công bình và thấu suốt tâm can, xin cho con được thấy Chúa báo thù chúng. Vì lạy Chúa, là Chúa con, con xin tỏ bày căn nguyên cùng Chúa.”

CA TÂM NIỆM

Grad. 3.

E -go au-tem, * dum mi- hi mo- lé- sti
 es- sent, indu- é- bam me ci- lí- ci-
 o, et humi- li- á- bam in je- jú- ni-
 o á- nimam me- am : et o- rá- ti- o me-
 a in si- nu me- o con- ver- té- tur,
 Ψ. Jú- di- ca Dómi- ne no- céntes me,

expú- gna impugnán- tes me : appre-
hén-de ar-ma et scu- tum, et
exsúr- ge in ad- ju-tó- ri- um
* mi- hi.

Ego autem, dum mihi molésti essent, induébam me cilício, et humiliábam in ieiúnio ánimam meam: et orátio mea in sinu meo convertétur. Iúdica, Dómine, nocéntes me, expúgna impugnántes me: apprehénde arma et scutum, et exsúrge in adiutórium mihi.

Phản con, khi chúng làm khổ con, con mặc áo nhặm, con ăn chay hãm mình, con cầu nguyện, con rầu rĩ. Lạy Chúa, xin xét xử những kẻ làm hại con, hãy giao chiến với những kẻ giao chiến con. Chúa hãy cầm thuẫn mộc khí giới đứng dậy cứu con.

BÀI THƯƠNG KHÓ

Pássio Dómini nostri Iesu Christi secúndum Marcum.

Bài Thương Khó Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, theo thánh Máccô.

TẠI GIÊTSIMANI – CẦU NGUYỆN

Et véniunt in prædium, cui nomen Gethsémani. Et ait discíplis suis:

Bấy giờ, Chúa Giêsu và các môn đệ đến một nơi gọi là Giếtsimani, Người bảo các môn đệ:

✠ Sedéte hic, donec orem.

✠ Các con ở đây, Thầy đi cầu nguyện.

C. Et assúmit Petrum et Iacobum et Ioánnem secum: et coepit pavére et tædére. Et ait illis:

✠ Tristis est anima mea usque ad mortem: sustinéte hic, et vigiláte.

C. Et cum processísset páululum, prócidit super terram: et orábat, ut, si fferi posset, transíret ab eo hora: et dixit:

✠ Abba, Pater, ómnia tibi possibília sunt, transfer cálicem hunc a me: sed non quod ego volo, sed quod tu.

C. Et venit et invénit eos dormiéntes. Et ait Petro:

✠ Simon, dormis? non potuísti una hora vigiláre? Vigiláte et oráte, ut non intrétis in tentatiónem. Spíritus quidem promptus est, caro vero infírma.

C. Et íterum ábiens orávit, eúndem sermónem dicens. Et revérsus, dénuo invénit eos dormiéntes – erant enim óculi eórum gravati – et ignorábant, quid respondérent ei. Et venit tértio, et ait illis:

✠ Dormíte iam et requiésците. Súfficit: venit hora: ecce, Fílius hóminis tradétur in manus peccatórum. Súrgite, eámus: ecce, qui me tradet, prope est.

Rồi Người đem Phêrô, Giacôbê và Gioan đi; Người bắt đầu cảm thấy sợ hãi và lo lắng. Người bảo họ:

✠ Linh hồn Thầy buồn đến chết, hãy ở đây và tỉnh thức.

Đi xa một chút nữa, Người phục xuống đất và cầu xin, để nếu có thể được, cho giờ này hãy xa đi. Người cầu nguyện:

✠ Lạy Cha, với Cha cái gì cũng có thể được, xin cất chén này xa con, nhưng xin đừng là điều con muốn, mà là điều Cha muốn.

Rồi Người trở lại, thấy họ đang ngủ, và Người bảo Phêrô:

✠ Simon ngủ ư? Con không thức được một giờ sao? Hãy thức và cầu nguyện, để khỏi sa chước cám dỗ. Tinh thần thì hăng hái, nhưng xác thịt thì yếu đuối.

Người lại ra đi và cầu nguyện với những lời ấy. Trở về, Người lại thấy họ đang ngủ, và mắt họ nặng trĩu. Họ không biết trả lời Người sao. Lần thứ ba Người trở lại và bảo họ:

✠ Các con cứ ngủ, cứ nghỉ đi! Thời giờ đã đến rồi! Con Người sắp bị nộp trong tay kẻ tội lỗi. Đứng dậy đi, kẻ phản bội Ta đến kia rồi.

C. Et, adhuc eo loquente, venit Iudas Iscariotes, unus de duodecim, et cum eo turba multa cum gladiis et lignis, a summis sacerdotibus et scribis et senioribus. Dederat autem traditor eius signum eis, diceris:

S. Quemcumque osculatus fuero, ipse est, tenete eum et ducite caute.

C. Et cum venisset, statim accedens ad eum, ait:

S. Ave, Rabbi.

C. Et osculatus est eum. At illi manus iniecerunt in eum, et tenuerunt eum. Unus autem quidam de circumstantibus, educens gladium, percussit servum summi sacerdotis: et amputavit illi auriculam. Et respondens Iesus, ait illis:

✠ Tamquam ad latronem existis cum gladiis et lignis comprehendere me? Cotidie eram apud vos in templo docens, et non me tenuistis. Sed ut impleantur Scripturae.

C. Tunc discipuli eius relinquentes eum, omnes fugerunt. Adolescens autem quidam sequebatur eum amictus sindone super nudo: et tenuerunt eum. At ille, reiecta sindone, nudus profugit ab eis.

Người còn đang nói, tức thì Judas, một trong đoàn Mười Hai đến, theo sau một lũ đông có gươm giáo do các đại giáo trưởng và văn nhân sai đến. Tên phản phúc đã cho họ một dấu hiệu, hẳn ta bảo:

“Tôi hôn người nào, là đúng người đó, hãy bắt lấy và điệu đi cho cẩn thận.”

Vì thế, thoạt tới, hẳn ta tới gần Người và nói:

“Chào Thầy”

Rồi hẳn ta hôn Người. Bấy giờ họ tra tay bắt Người. Một người trong đám ở đấy rút gươm chém tên đầy tớ vị đại giáo trưởng bị đứt một tai. Chúa Giêsu lên tiếng bảo:

✠ Ta không phải là tên trộm cướp đâu mà các ông phải dàn trận, mang gươm giáo để bắt Ta. Hằng ngày Ta ở giữa các ông, giảng dạy trong đền thờ mà các ông không bắt Ta; nhưng Kinh Thánh cần phải được ứng nghiệm.

Bấy giờ mọi người đều bỏ Người mà trốn đi. Một chàng thanh niên theo Người, mình quấn một manh vải mỏng. Người ta cản bắt chàng. Nhưng trút mảnh vải lại, chàng ta trốn thoát, mình trần.

Et adduxérunt Iesum ad summum sacerdotem: et convenérunt omnes sacerdotes et scribæ et seniôres. Petrus autem a longe secútus est eum usque intro in átrium summi sacerdotis: et sedébat cum ministris ad ignem, et calefaciébat se. Summi vero sacerdotes et omne concílium quærébat advérsus Iesum testimónium, ut eum morti tráderent, nec inveniébant. Multi enim testimónium falsum dicébant advérsus eum: et conveniéntia testimónia non erant. Et quidam surgétes, falsum testimónium ferébant advérsus eum, dicétes:

S. Quóniam nos audívimus eum dicétem: Ego dissólvant templum hoc manufáctum, et per tríduum aliud non manufáctum ædificábo.

C. Et non erat convéniens testimónium illórum. Et exsúrgens summus sacérdos in médium, interrogávit Iesum, dicens:

S. Non respóndes quidquam ad ea, quæ tibi obiiciúntur ab his?

C. Ille autem tacébat et nihil respóndit. Rursum summus sacérdos interrogábat eum, et dixit ei:

TRƯỚC TÒA CAIPHA

Họ điệu Chúa Giêsu đến vị đại giáo trưởng, và tất cả các vị đại giáo trưởng, kỳ lão và văn nhân họp nhau lại. Phêrô theo Người xa xa vào đến sân vị đại giáo trưởng; ông ngồi vào sưởi với các lính gác. Các đại giáo trưởng và tất cả Hội đồng tìm chứng cáo Chúa Giêsu, để lên án Người, nhưng họ không tìm được. Thực ra có nhiều người làm chứng gian cáo Người, nhưng các chứng đó không hợp nhau. Mấy người đứng dậy biện chứng gian cáo Người:

“Chúng tôi đã nghe thấy ông ta nói: Ta sẽ phá Đền thờ này do tay người ta làm ra, và trong ba ngày lại xây một ngôi khác không do tay người ta làm.”

Nhưng ngay về điểm ấy, lời họ khai cũng không hợp nhau. Vị đại giáo trưởng đứng lên giữa Hội đồng và hỏi Chúa Giêsu:

“Ông không trả lời gì? Người ta cáo ông gì đó?”

Nhưng Chúa Giêsu im lặng không trả lời. Lần nữa, vị đại giáo trưởng hỏi Người:

S. Tu es Christus, Fílius Dei benedícti?

C. Iesus autem dixit illi:

✠ Ego sum: et vidébitis Fílium hóminis sedéntem a dextris virtútis Dei, et veniéntem cum núbibus coeli.

C. Summus autem sacérdos scindens vestiménta sua, ait:

S. Quid adhuc desiderámus testes? Audístis blasphemiam: quid vobis videtur?

C. Qui omnes condemnavérunt eum esse reum mortis. Et coepérunt quidam conspúere eum, et veláre fáciem eius, et cólaphis eum cædere, et dícere ei:

S. Prophetíza.

C. Et ministri álapis cum cædebant.

Et cum esset Petrus in átrio deórsum, venit una ex ancíllis summi sacerdotis: et cum vidísset Petrum calefaciéntem se, aspiciens illum, ait:

S. Et tu cum Iesu Nazaréno eras.

C. At ille negávit, dicens:

S. Neque scio neque novi, quid dicas.

“Ông có phải là Kitô, Con Thiên Chúa Đấng đáng chúc tụng không?”

Chúa Giêsu đáp:

✠ Chính Tôi, các ông sẽ thấy Con Người ngồi bên hữu. Đấng uy quyền và đến trên mây trời.

Bấy giờ vị đại giáo trưởng xé áo mình và nói:

“Ta còn cần tìm chứng cứ chi nữa. Các ông đã nghe đấy, câu phạm thượng. Các ông nghĩ sao?”

Hết thầy tuyên bố Người đáng chết. Có kẻ nhỏ vào mặt Người, che mặt Người đi, đấm đánh Người và nói:

“Nói tiên tri đi.”

Rồi bọn lính gác đập đánh Người.

PHÊRÔ CHỐI CHÚA

Phêrô đang ở cuối sân, bỗng một tớ gái của vị đại giáo trưởng đến. Thấy Phêrô sưởi, cô ta nhìn ông và nói:

“Ông này nữa, cũng ở với Giêsu Nagiarét đây.”

Nhưng Phêrô chối:

“Tôi không biết, tôi không hiểu cô nói gì.”

C. Et éxiit foras ante átrium, et gallus cantávit. Rursus autem cum vidísset illum ancílla, coepit dícere circumstántibus: Quia hic ex illis est. At ille íterum negávit. Et post pusíllum rursus, qui astábant, dicébant Petro:

S. Vere ex illis es: nam et Galilæus es.

C. Ille autem coepit anathematizáre et iuráre: Quia nescio hóminem istum, quem dicitis. Et statim gallus íterum cantávit. Et recordátus est Petrus verbi, quod díxerat ei Iesus: Priúsqvam gallus cantet bis, ter me negábis. Et coepit flere.

Et conféstim mane consílium faciéntes summi sacerdótes, cum senióribus et scribis et univérso concílio, vinciéntes Iesum, duxérunt, et tradidérunt Piláto. Et interrogávit eum Pilátus:

S. Tu es Rex Iudæórum?

C. At ille respóndens, ait illi:

✠ Tu dicis.

C. Et accusábant eum summi sacerdótes in multis. Pilátus autem rursum interrogávit eum, dicens:

Rồi ông đi ra ngoài, chỗ tiền đình, gà liền gáy. Đứa tớ gái trông thấy Phêrô, lại đi nói với những người đang ở đấy: “Ông này là một trong bọn ấy đây.” Ông ta lại chối một lần nữa. Một lát sau, những người đứng đó cũng lại bảo Phêrô:

“Trúng rồi, bác là người trong bọn đó, với lại bác là người Galilêa.”

Nhưng ông liền rửa và thề: “Tôi không biết Người các ông nói.” Tức khắc gà liền gáy lần thứ hai. Bấy giờ Phêrô nhớ đến lời Chúa Giêsu đã nói với ông: “Trước khi gà gáy hai lần, con đã chối Ta ba lần.” Và ông nức nở khóc.

TRƯỚC TÒA PHILATÔ

Vừa sáng ngày, các đại giáo trưởng hội họp với những kỳ lão, và những văn nhân, nói tóm là tất cả hội đồng. Rồi cho trói Chúa Giêsu lại, họ đưa đi và nộp cho Philatô. Philatô hỏi Người:

“Ông có phải là Vua dân Do Thái không?”

Chúa Giêsu đáp:

✠ Ngài nói phải.

Các đại giáo trưởng cáo nhiều điều khác. Philatô hỏi:

S. Non respóndes quidquam? Vide, in quantis te accúsant.

C. Iesus autem ámplius nihil respóndit, ita ut mirarétur Pilátus.

Per diem autem festum solébat dimíttre illis unum ex vinc-tis, quemcúmque petiíssent. Erat autem, qui dicebátur Barábbas, qui cum seditiósus erat vinc-tus, qui in sediti-óne fécerat homicídium. Et cum ascendíset turba, coepit rogáre, sicut semper faciébat illis. Pilátus autem respóndit eis, et dixit:

S. Vultis dimíttam vobis Regem Iudæórum?

C. Sciébat enim, quod per invídiam tradidíssent eum summi sacer-dótes. Pontifices autem concitavérunt turbam, ut magis Barábbam dimítteret eis. Pilátus autem íterum respóndens, ait illis:

S. Quid ergo vultis fáciam Regi Iudæórum?

C. At illi íterum clamavérunt:

S. Crucifíge eum.

C. Pilátus vero dicébat illis:

S. Quid enim mali fecit?

C. At illi magis clamábant:

“Ông không đáp lời gì ư? Ông hãy xem tất cả những điều họ tố cáo ông đấy!”

Nhưng Chúa Giêsu không trả lời gì nữa, làm Philatô ngạc nhiên.

Mỗi kỳ lễ, Philatô thường phóng thích một phạm nhân tùy dân chúng xin. Vậy có một người tên là Baraba, bị giam cùng với những người phiến loạn, đã phạm tội sát nhân trong những vụ phiến loạn. Dân chúng kéo đến, xin điều đã quen cho. Philatô hỏi họ:

“Các người có muốn tha Vua dân Do Thái cho các người không?”

Vì ông thừa biết rằng: vì ghen mà các đại giáo trưởng nộp Người. Nhưng các đại giáo trưởng lại thúc đám đông xin tha Baraba cho họ. Philatô lại lên tiếng bảo họ:

“Thế thì ta phải làm gì cho người mà các người gọi là Vua dân Do Thái?”

Chúng liền kêu lên:

“Đóng đinh nó vào thập giá!”

Philatô hỏi:

“Ông ấy đã làm chi nên tội?”

Họ lại càng la lên:

S. Crucifige eum.

C. Pilátus autem volens populo satisfácere, dimisit illis Barábbam, et trádidit Iesum flagellis cæsum, ut crucifigerétur.

Mílites autem duxérunt eum in átrium prætorii, et cónvocant totam cohórtem, et índuunt eum púrpura, et impónunt ei plecténtes spíneam corónam. Et cœperunt salutáre eum: Ave, Rex Iudæórum. Et percutiébant caput eius arúndine: et conspuébant eum et, ponéntes génuá, adorábant eum. Et postquam illusérunt ei, exuérunt illum púrpura, et induérunt eum vestiméntis suis: et edúcant illum, ut crucifigerent eum.

Et angariavérunt prætereúntem quémpiam, Simónem Cyrenæum, veniéntem de villa, patrem Alexándri et Rufi, ut tólleret crucem eius. Et perdúcant illum in Gólgotha locum, quod est interpretátum Calváriæ locus. Et dabant ei bíbere myrrhátum vinum: et non accépit. Et crucifigéntes eum, divisérunt vestiménta eius, mitténtes sortem super eis, quis quid tólleret. Erat

“Đóng đinh nó vào thập giá!”

Philatô muốn làm cho đẹp lòng dân, liền tha Baraba cho họ, và sau khi cho đánh đòn Chúa Giê-su, ông giao Người cho họ đem đi xử đóng đinh vào thập giá.

CUỘC LẮNG NHỰC

Lính điều Chúa Giê-su vào sân trong, nghĩa là vào công đường, họ tụ tập cả một tiểu đoàn, mặc cho Người một áo đỏ thẫm và quần cho Người một vành gai đã bện. Rồi chúng chào Người rằng: “Muôn tâu Vua dân Do Thái!” Và họ lấy một cây sậy đập vào đầu Người, khắc nhổ vào Người và quỳ gối trước mặt Người, làm bộ cung kính Người. Lắng mạ Người như thế xong, họ lột áo đỏ ra và bắt mặc áo của Người vào. Thế là họ điệu Người đi, để đóng đinh Người.

TRÊN ĐƯỜNG GOLGÔTA

Chúng bắt một người qua đường ở ruộng đi về là Simon Xy-rê-nê, ông thân sinh của Alê-xan-đê và Ru-phô, vác đỡ thập giá cho Người. Chúng dẫn Người đến nơi gọi là Gol-gô-ta, nghĩa là Núi Sọ. Chúng cho Người uống rượu pha mật nhưng Người không uống. Chúng đóng đinh Người vào thập giá và chia áo xống của Người, bằng cách rút thăm mỗi người một phần. Bấy giờ là giờ thứ

autem hora tertia: et crucifixerunt eum. Et erat titulus causæ eius inscriptus: Rex Iudæorum. Et cum eo crucifigunt duos latrones: unum a dextris et alium a sinistris eius.

Et impléta est Scriptúra, quæ dicit: Et cum iniquis reputátus est. Et prætereúntes blasphemábant eum, movéntes cápita sua et dicéntes:

S. Vah, qui détruis templum Dei, et in tribus diébus reedíficas: salvum fac temetípsum, descéndens de cruce.

C. Simíliter et summi sacerdótes illudéntes, ad alterutrum cum scribis dicébant:

S. Alios salvos fecit, seípsum non potest salvum fácere. Christus Rex Israël descéndat nunc de cruce, ut videámus et credámus.

C. Et qui cum eo crucifíxi erant, conviciábantur ei.

Et facta hora sexta, ténebræ factæ sunt per totam terram, usque in horam nonam. Et hora nona exclamávit Iesus voce magna, dicens:

✠ Eloi, Eloi, lamma sabacthání?

ba, chúng đóng đinh Người vào thập giá. Bản án của Người viết chữ: “Vua dân Do Thái.” Có hai người trộm cướp cùng bị đóng đinh với Người vào thập giá, một người bên phải, một người bên trái.

TRÊN THẬP GIÁ

Thế là ứng nghiệm lời Kinh Thánh rằng: “Người đã bị liệt vào số những phạm nhân.” Những khách qua đường xỉ vả Người, lắc đầu và nói:

“À ông bảo phá Đền thờ rồi xây lại trong ba ngày, hãy tự cứu thoát mình và xuống khỏi thập giá đi!”

Các đại giáo trưởng và các văn nhân cũng nói đùa với nhau:

“Ông ta cứu được người khác, còn chính mình lại không cứu được. Nào Chúa Kitô, Vua Israel, hãy xuống khỏi thập giá để chúng ta xem và chúng ta tin.”

Cả những người bị đóng đinh vào thập giá với Người, cũng lăng mạ Người.

GIỜ CHÓT

Đến giờ thứ sáu (*giờ trưa*) khắp trái đất ra tối tăm cho đến giờ thứ chín (*ba giờ chiều*). Giờ thứ chín, Chúa Giêsu kêu lớn tiếng:

✠ Eloi, Eloi, lamma sabacthani?

C. Quod est interpretátum:

✠ Deus meus, Deus meus, ut quid dereliquísti me?

C. Et quidam de circumstántibus audiéntes, dicébant:

S. Ecce, Elíam vocat.

C. Currens autem unus, et implens spóngiam acéto, circumponénsque cálam, potum dabat ei, dicens:

S. Sínite, videámus, si véniat Elías ad deponéndum eum.

C. Iesus autem emíssa voce magna expirávit.

Et velum templi scissum est in duo, a summo usque deórsum. Videns autem centúrio, qui ex advérso stabat, quia sic clamans expirásset, ait:

S. Vere hic homo Fílius Dei erat.

C. Erant autem et muléres de longe aspiciéntes: inter quas erat María Magdaléne, et María Iacóbi minóris, et Ioseph mater, et Salóme: et cum esset in Galilæa, sequebántur eum, et ministrábant ei, et áliæ multæ, quæ simul cum eo ascénderant Ierosólymam.

Et cum iam sero esset factum (quia erat Parascéve, quod est ante

Nghĩa là:

✠ Lạy Chúa, lạy Chúa Trời tôi, sao Chúa bỏ tôi?

Mấy người trong đám đứng đó nghe thấy liền nói:

“Này, ông ấy gọi ông Êlia.”

Một người lấy một miếng bọt biển thấm vào dấm, cắm vào đầu cây sậy đưa cho Người uống và nói:

“Để coi, xem Êlia có đến cứu ông ta không?”

Nhưng Chúa Giêsu kêu một tiếng lớn, tối tắt thở.

Quyên yên lặng mấy phút mặc niệm

Màn trong đền thờ xé ra làm hai, từ trên xuống dưới. Viên đội trưởng thấy Người kêu to như thế, nói:

“Thực rồi, người này thực là Con Thiên Chúa.”

Cũng có những phụ nữ đứng nhìn từ xa, trong số đó có Maria Magdaléna, Maria mẹ Giacôbê hậu và Giuse, và Salômê, những người đã theo giúp việc Người khi Người còn ở Galilêa, và nhiều bà khác nữa, những người đã cùng Người lên Jerusalem.

CUỘC MAI TÁNG

Chiều đến, và vì là ngày Sửa soạn, nghĩa là ngày trước ngày Sabát, ông

sábbatum) venit Ioseph ab Arimathæa, nóbilis decúrio, qui et ipse erat exspéctans regnum Dei, et audácter introívit ad Pilátum, et pétíit corpus Iesu. Pilátus autem mirabátur, si iam obiísset. Et accersíto centurióne, interrogávit eum, si iam mórtuus esset. Et cum cognóvísset a centurióne, donávit corpus Ioseph. Ioseph autem mercátus síndonem, et depónens eum invólvit síndone, et pósuit eum in monuménto, quod erat excísium de petra, et advólvit lápidem ad óstium monuménti.

Giuse, một nhân viên vị vọng trong hội đồng, và cũng là người mong đợi nước Thiên Chúa, can đảm vào Philatô, xin xác Chúa Giêsu. Philatô ngạc nhiên nghe nói Người đã chết rồi. Ông cho gọi người đội và hỏi người ấy xem Chúa Giêsu tắt thở lâu chưa. Theo lời tường trình của người đội, ông giao xác cho Giuse. Ông này mua một tấm vải liệm, và đặt xác Chúa vào một ngôi mộ đục trong đá; rồi ông lăn một hòn đá lấp cửa mộ.

CA DÂNG LỄ

Offert.
1.

The musical score is written on three staves. The first staff begins with a treble clef, a common time signature (C), and a key signature of one flat (B-flat). A large 'C' time signature is placed at the beginning of the first line of lyrics. The lyrics are: 'Ustó-di me, * Dó-mi-ne, de ma-nu pecca-tó-ris: et ab ho-mí-ni-bus in-í-quis é-ri-pe me, Dó-mi-ne.' The music consists of a single melodic line with square notes and rests, typical of a chant.

Ustó-di me, * Dó-mi-ne, de ma-
nu pecca-tó-ris: et ab ho-mí-ni-bus in-í-
quis é-ri-pe me, Dó-mi-ne.

Custódi me, Dómine, de manu peccatóris: et ab homínibus iníquis éripe me.

Lạy Chúa, xin gìn giữ con khỏi tay người tội lỗi; xin cứu con khỏi kẻ bất lương.

KINH DÂNG LỄ

Sacrificia nos, quæsumus, Dómine, propénsius ista restáurent: quæ medicinálibus sunt institúta ieiúniis. Per Dóminum nostrum Iesum Christum, Fílium tuum: qui tecum vivit et regnat in unitáte Spíritus Sancti Deus, per ómnia sæcula sæculórum.

Lạy Chúa, xin cho những lễ vật hy sinh của chúng tôi trong mùa chay hữu ích này, đem lại cho chúng tôi dư đầy ơn phúc. Vì Đức Giê-su Kitô, Con Chúa cùng là Chúa chúng tôi, Đấng hằng sống hằng trị, làm một cùng Đức Chúa Thánh Thần đời đời chẳng cùng.

KINH TIỀN TỤNG

KINH TIỀN TỤNG LỄ THÁNH GIÁ

Vere dignum et iustum est, æquum et salutáre, nos tibi semper et ubíque grátias ágere: Dómine sancte, Pater omnípotens, ætérne Deus: Qui salútem humáni géneris in ligno Crucis constituísti: ut, unde mors oriebátur, inde vita resúrgeret: et, qui in ligno vincébat, in ligno quoque vincerétur: per Christum, Dóminum nostrum. Per quem maiestátem tuam laudant Angeli, adórant Dominationés, tremunt Potestátes. Cæli cælórúmque Virtútes ac beáta Séraphim sócia exsultatióne concélebrant. Cum quibus et nostras voces ut admítteri iúbeas, deprecámur, súpplíci confessióne dicétes:

Lạy Chúa, là Cha chí thánh, là Thiên Chúa toàn năng hằng hữu, việc chúng tôi cảm tạ Chúa mọi nơi, mọi lúc, thật là chính đáng, công bình, và hữu ích cho phần rỗi chúng tôi. Chúa đã dùng Cây Thánh Giá mà cứu rỗi nhân loại, để vì cây trái cấm mà nhân loại phải chết, thì nay nhờ Cây Thánh Giá mà được sống; và ma quỷ xưa đã thắng nhờ cây trái cấm, thì nay bại trận vì Cây Thánh Giá, nhờ Đức Kitô, Chúa chúng tôi. Nhờ Người, các Thiên Thần ca ngợi uy linh Chúa, các Quân Thần thờ lạy, các Quyền Thần kính sợ, Thiên Quốc và toàn thể đạo binh trên trời cùng với các đấng Sêraphim đồng hân hoan chúc tụng Chúa. Xin cho chúng tôi được đồng thanh cùng các đấng ấy thành khẩn tung hô rằng:

CA CHỊU LỄ

Comm.

5.

A

Dvérsum me * ex-erce-bántur, qui se-dé-bant in

por-ta : et in me psallé-bant, qui bi-bé-bant vinum : ego ve-

ro o-ra-ti-ónem me-am ad te, Dómi-

ne : tempus be-ne-plá-ci-ti, De-us, in multi-tú-di-

ne mi-se-ri-cór-di-ae tu-ae.

Advérsum me exercebántur, qui sedé-bant in porta: et in me psallé-bant, qui bibé-bant vinum: ego vero orati-ónem meam ad te, Dómine: tempus benepláciti, Deus, in multitudíne misericórdiæ tuæ.

Những người ngồi ngoài cửa bàn tán về con, những kẻ say sưa hát nhạc con. Nhưng lạy Chúa, con dâng lên Chúa những kinh nguyện, lạy Chúa, đây là lúc thuận tiện tỏ tình yêu thương vô cùng của Chúa.

KINH TẠ LỄ

Sanctificati-ónibus tuis, omní-potens Deus: et vitia nostra curéntur, et remédia nobis sempitérna provéniant. Per Dóminum nostrum

Lạy Chúa toàn năng, xin Thánh Thể Chúa chữa mọi vết xấu chúng tôi, và nên phương thuốc trường sinh cứu chúng tôi. Vì Đức Giê-su Kitô, Con

Iesum Christum, Fílium tuum: qui tecum vivit et regnat in unitáte Spíritus Sancti Deus, per ómnia sæcula sæculórum.

Chúa cùng là Chúa chúng tôi, Đấng hằng sống hằng trị, làm một cùng Đức Chúa Thánh Thần đời đời chẳng cùng.

LỜI NGUYỆN CHỐT

Orémus

Chúng ta hãy cầu nguyện

Humiliáte cápita vestra Deo.

Hãy cúi đầu trước Thiên Chúa.

Tua nos misericórdia, Deus, et ab omni subreptióne vetustátis expúrget, et capáces sanctæ novitátis effíciat. Per Dóminum nostrum Iesum Christum, Fílium tuum: qui tecum vivit et regnat in unitáte Spíritus Sancti Deus, per ómnia sæcula sæculórum.

Lạy Chúa, xin lấy lòng nhân từ rửa chúng tôi sạch mọi vết tích cuộc đời dĩ vãng, để chúng tôi có thể bắt đầu một cuộc sống mới thánh thiện. Vì Đức Giêsu Kitô, Con Chúa cùng là Chúa chúng tôi, Đấng hằng sống hằng trị, làm một cùng Đức Chúa Thánh Thần đời đời chẳng cùng.